

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH AN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Lô 2.17, Khu công nghiệp Trà Nóc 2
Phường Phước Thới, Quận Ô Môn
Thành phố Cần Thơ, CHXNCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Diệu Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Văn Chương	Thành viên
Ông Phạm Hữu Thường	Thành viên
Ông Vi Trần Tấn Năng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2010)
Ông Phan Lê Sâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2010)

Ban Giám đốc

Bà Phạm Thị Diệu Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Chương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Thường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vi Trần Tấn Năng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2010 và từ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2010)
Ông Phan Lê Sâm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2010 và từ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2010)
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2010)
Ông Lê Văn Hạc	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2010)
Bà Trần Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2011)
Ông Lưu Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2010)
Bà Phạm Thị Ngọc Nuôi	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Thị Diệu Hiền
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 6 năm 2011



Số: 445/2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 21 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 21 tháng 6 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH AN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Lô 2.17, Khu công nghiệp Trà Nóc 2
 Phường Phước Thới, Quận Ô Môn
 Thành phố Cần Thơ, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.183.896.709.445	1.005.792.824.939
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	43.557.065.425	24.841.052.677
1. Tiền	111		37.317.065.425	24.841.052.677
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.240.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		732.479.518.886	550.527.915.674
1. Phải thu khách hàng	131		118.413.835.720	65.461.838.204
2. Trả trước cho người bán	132		469.220.511.919	229.304.086.929
3. Các khoản phải thu khác	135	6	144.845.171.247	255.761.990.541
III. Hàng tồn kho	140	7	384.889.788.396	417.212.569.183
1. Hàng tồn kho	141		387.933.549.819	417.212.569.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.043.761.423)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.970.336.738	13.211.287.405
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.272.999.202	9.989.338.477
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.532.197.081	799.796.616
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.809.608.212	142.056.805
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.355.532.243	2.280.095.507
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		891.433.109.538	750.666.529.942
I. Tài sản cố định	220		851.318.418.140	685.371.916.332
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	698.694.949.443	420.980.950.085
- Nguyên giá	222		805.056.856.389	495.552.941.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.361.906.946)	(74.571.991.610)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		3.143.321.600	-
- Nguyên giá	225		3.143.321.600	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	108.341.340.297	108.392.416.761
- Nguyên giá	228		108.416.503.761	108.416.503.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.163.464)	(24.087.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	41.138.806.800	155.998.549.486
II. Bất động sản đầu tư	240	11	-	25.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		40.114.691.398	40.294.613.610
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	39.774.691.398	40.294.613.610
2. Tài sản dài hạn khác	268		340.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.075.329.818.983	1.756.459.354.881

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH AN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Lô 2.17, Khu công nghiệp Trà Nóc 2
 Phường Phước Thới, Quận Ô Môn
 Thành phố Cần Thơ, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010		31/12/2009	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.393.067.072.129		1.452.901.378.935	
I. Nợ ngắn hạn	310		1.221.944.824.100		1.240.672.230.819	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	1.020.746.937.524		1.006.150.073.109	
2. Phải trả người bán	312		166.781.854.017		203.413.623.122	
3. Người mua trả tiền trước	313		15.195.237.600		8.829.848.498	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	6.722.533.992		8.744.146.971	
5. Phải trả người lao động	315		6.270.506.920		6.109.769.698	
6. Chi phí phải trả	316		3.013.438.231		1.577.123.575	
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		3.214.315.816		5.847.645.846	
II. Nợ dài hạn	330		171.122.248.029		212.229.148.116	
1. Phải trả dài hạn người bán	331	16	19.521.678.980		31.197.475.266	
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	151.196.736.932		180.414.948.000	
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		403.832.117		616.724.850	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		682.262.746.854		303.557.975.946	
I. Vốn cổ đông	410	18	682.262.746.854		303.557.975.946	
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000		500.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.513.600.000		-	
3. Cổ phiếu quỹ	414		-		(260.000.000.000)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.186.889.127		18.186.889.127	
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		134.562.257.727		45.371.086.819	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.075.329.818.983		1.756.459.354.881	



Phạm Thị Diệu Hiền
 Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
 Ngày 21 tháng 6 năm 2011

Trần Thị Thu Hà

Trần Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH AN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Lô 2.17, Khu công nghiệp Trà Nóc 2
 Phường Phước Thới, Quận Ô Môn
 Thành phố Cần Thơ, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010		2009	
1. Doanh thu gộp	01		1.163.888.140.147		838.744.367.881	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		(903.311.338)	
3. Doanh thu thuần	10		1.163.888.140.147		837.841.056.543	
4. Giá vốn hàng bán	11		(888.353.775.738)		(679.320.301.968)	
5. Lợi nhuận gộp	20		275.534.364.409		158.520.754.575	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	49.425.621.195		14.374.857.747	
7. Chi phí tài chính	22	20	(92.413.895.852)		(74.212.229.160)	
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>(77.988.727.100)</i>		<i>(60.415.138.910)</i>	
8. Chi phí bán hàng	24		(106.343.615.498)		(70.671.866.555)	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(30.323.821.246)		(22.057.700.327)	
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		95.878.653.008		5.953.816.280	
11. Thu nhập khác	31		2.130.493.128		48.532.758.205	
12. Chi phí khác	32		(1.600.549.905)		(229.253.036)	
13. Lợi nhuận khác	40	21	529.943.223		48.303.505.169	
14. Lợi nhuận trước thuế	50		96.408.596.231		54.257.321.449	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	(7.217.425.323)		(8.886.234.630)	
16. Lợi nhuận sau thuế	60		89.191.170.908		45.371.086.819	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	<u>2.287</u>		<u>1.031</u>	

17/12/2010
 NH
 CY
 HANH
 TT
 AA
 CH



Phạm Thị Diệu Hiền
 Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
 Ngày 21 tháng 6 năm 2011

tran thi thu ha

Trần Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH AN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Lô 2.17, Khu công nghiệp Trà Nóc 2
 Phường Phước Thới, Quận Ô Môn
 Thành phố Cần Thơ, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	96.408.596.231	54.257.321.449
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	31.840.991.800	29.868.770.491
- Các khoản dự phòng	03	3.043.761.423	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(5.884.627.991)	(40.717.660)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23.253.770.844)	(6.022.020.149)
- Chi phí lãi vay	06	77.988.727.100	60.415.138.910
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	180.143.677.719	138.478.493.041
- Tăng các khoản phải thu	09	(127.163.596.266)	(225.998.163.100)
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	29.279.019.365	(221.650.965.353)
- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(56.238.063.231)	380.127.890.417
- Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	5.236.261.486	(6.406.597.028)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(77.702.757.284)	(57.757.609.087)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(833.501.408)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(340.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(47.618.959.619)	6.793.048.890
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(183.620.095.088)	(267.896.946.254)
2. Tiền thu do thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	25.000.000.000	363.636.364
3. Thu lãi tiền gửi	27	23.253.770.844	5.870.149.714
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(135.366.324.244)	(261.663.160.176)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	31	211.078.000.000	-
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(260.000.000.000)
3. Tiền thuần từ vay ngắn hạn và vay dài hạn	33	(9.376.703.389)	480.108.689.631
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	201.701.296.611	220.108.689.631
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	18.716.012.748	(34.761.421.655)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	24.841.052.677	59.602.474.332
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	43.557.065.425	24.841.052.677

Thông tin bổ sung cho các khoản mục phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm 11.981.875.320 đồng và 2.185.523.000 đồng, lần lượt là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán và tài sản hình thành từ thuê tài chính. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả và tiền thuần từ vay ngắn hạn và vay dài hạn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm không bao gồm 8.886.234.630 đồng là số tiền được thanh toán bù trừ với số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.



Phạm Thị Diệu Hiền
 Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
 Ngày 21 tháng 6 năm 2011

Trần Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất